TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày: 09-6-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dựng;
2. Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 45/2021/TLST-DS ngày 03/12/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 25/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-DS ngày 16/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP **B**; địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S1-Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP **B**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Danh T-Giám đốc Ngân hàng **B**-Chi nhánh Hải Dương. Theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017.

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Minh H-Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Kim Thành. Theo Quyết định ủy quyền số 176/2021/QĐ-LienVietPostBankHD ngày 30/6/2021. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Phạm Bá B1, sinh năm 1986 và chị Trần Thị H1, sinh năm 1989; đều có địa chỉ: Khu dân cư TX, phường TT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Bá H2, sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980; đều có địa chỉ: Khu dân cư TX, phường TT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Trần Minh H đại diện trình bày:

Ngày 11/12/2019, vợ chồng anh B1, chị H1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP **B**-Chi nhánh Hải Dương-Phòng giao dịch Kim Thành, theo Hợp đồng tín dụng số 26A22019109, cụ thể: Số tiền vay: 320.000.000đ; thời vay: 06 năm, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; các kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả vào ngày 15 hàng tháng, chia làm 72 kỳ, 71 kỳ đầu đầu mỗi kỳ trả số tiền 4.450.000đ, kỳ cuối trả 4.050.000đ. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/01/2020; các kỳ trả nợ lãi: Lãi trả vào 15 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/01/2020; ngày trả nợ cuối cùng: 12/12/2025; mục đích sử dụng vốn: Hoàn vốn thanh toán tiền xây nhà ở; lãi suất cho vay trong hạn: lãi suất cố định trong 12 tháng đầu là 11.0%/năm; lãi suất các tháng tiếp được xác định theo công thức với Margin bằng 4,2%/năm. Lãi suất có thể được điều chỉnh theo quyết định của Ngân hàng; tiền lãi vay được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc thực tế và thời gian vay thực tế; Nếu bên vay chậm trả gốc và lãi thì phải chịu lãi suất quá hạn: 150% lãi suất thỏa thuận; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngân hàng TMCP **B** đã giải ngân theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết cho vợ chồng ông B1, bà H1 theo Khế ước nhận nợ ngày 12/12/2019. Theo đó, Ngân hàng TMCP **B** đã giải ngân cho phía bị đơn số tiền 320.000.000đ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất, diện tích 309.6m^2, trong đó có 80m^2 đất ở đô thị, 74,6m^2 đất vườn thừa hợp pháp và 155m^2 đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 853, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Khu dân cư TX, phường TT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và ngôi nhà diện tích 79.0m^2 đã được UBND thị xã Kinh Môn cấp GCNQSD đất và quyền sở hữu nhà vào ngày 26/11/2019.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông B1, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng từ tháng 8/2020. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông B1, bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả. Nay phía Ngân hàng yêu cầu Tòa án: Buộc ông B1, bà H1 phải thanh toán trả ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký, tạm tính đến ngày 16/7/2021 là 321.928.888đ. Tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ gốc theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng; trường hợp ông B1, bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì ông B1, bà H1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Theo Biên bản ghi lời khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, bị đơn-anh Phạm Bá B1 và chị Trần Thị H1 trình bày:

Ngày 11/12/2019, anh chị có vay vốn Ngân hàng TMCP **B** - Phòng giao

dịch Kim Thành, theo Hợp đồng tín dụng số 62A, cụ thể: Số tiền vay: 320.000.000đ; thời hạn vay: 06 năm, tính từ ngày giải ngân; các kỳ hạn trả nợ: Trả lãi vào ngày 15 hàng tháng; mục đích sử dụng vốn: Hoàn vốn thanh toán tiền xây nhà ở; lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Khi vay vốn tại Phòng giao dịch Kim Thành anh chị có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 11/12/2019. Theo đó tài sản thế chấp cho khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất, diện tích 309.6m^2, tại thửa đất số 853, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Khu dân cư TX, phường TT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và tài sản gắn liền với đất. Nguồn gốc thửa đất dùng để thế chấp là do bố đẻ anh Phạm Bá B1 tặng cho vào năm 2019. Từ sau khi thế chấp đến nay thì các tài sản trên đất vẫn giữ nguyện hiện trạng khi thế chấp. Đối với bể nước và công trình để đồ trước đây là của bố mẹ đẻ anh B1. Do các công trình này đã cũ và xuống cấp nên khi làm thủ tục tách cho hai anh em bố mẹ đẻ anh B1 không thể hiện các tài sản trên và khi làm thủ tục cấp GCNQSD đất các tài sản trên cũng không thể hiện trong bìa. Thực tế các công trình này đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng.

Nay ngân hàng có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh chị phải thanh toán toàn bộ số nợ, tạm tính đến ngày 24/3/2022 là 297.346.989đ theo hợp đồng đã ký kết. Trong đó: Nợ gốc còn lại là 243.849.935đ; lãi trả định kỳ (số nợ gốc: 288.849.935đ): 46.310.650đ; lãi gốc chậm trả (theo tháng): 5.267.259đ; lãi của lãi chậm trả (số lãi 46.310.650đ): 1.919.145đ. Quan điểm của anh chị đồng ý trả nợ gốc và đề nghị tòa án xem xét về tiền lãi. Do không có điều kiện trả nợ nên đề nghị Tòa án động viên phía ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị tiếp tục trả nợ theo định kỳ trong hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-anh Phạm Bá H2 và chị Nguyễn Thị T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh B1, chị H1 phải thanh toán trả ngân hàng tổng số tiền, tính đến hết ngày 09/6/2022 là 286.916.964đ. Trong đó: Nợ gốc chưa thanh toán là 236.849.935đ, nợ lãi trả theo kỳ chưa thanh toán là 50.067.029đ; không yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh B1, chị H1 phải trả lãi các khoản lãi chậm trả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 30, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 299, 317, 323, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Phạm Bá B1 và chị Trần Thị H1 phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP **B** số tiền, tính đến ngày 09/6/2022 là 286.916.964đ. Trong đó: Nợ gốc chưa thanh toán là 236.849.935đ, nợ lãi trả theo kỳ chưa thanh toán là 50.067.029đ.

Kể từ ngày 10/6/2022, anh Phạm Bá B1 và chị Trần Thị H1 phải tiếp tục chịu tiền lãi của các kỳ trả lãi tiếp theo mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP **B**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Phạm Bá B1 và chị Trần Thị H1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP **B** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 853, tờ bản đồ số 06, diện tích 306.9m^2, địa chỉ: Khu dân cư TX, phường TT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và các tài sản gắn liền với đất đã được UBND thị xã Kinh Môn cấp GCNQSD đất và quyền sở hữu nhà vào ngày 26/11/2019 mang tên anh Phạm Bá B1 và chị Trần Thị H1 để thu hồi nợ.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- *Về thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng*: Quá trình đưa vụ án ra xét xử, do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại gia đình nên Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập cho người thân thích cùng nơi cư trú. Ông Phạm Bá Quân (*bố đẻ của anh B1, anh H2*) cam kết sẽ thông báo và giao lại ngày cho phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện*: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi trả định kỳ, không yêu cầu trả các khoản lãi chậm trả, lãi phạt. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét Hợp hợp đồng tín dụng số HDTD62A2019109 ngày 11/12/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 109/2019/HDTC/PGDKimThanh ngày 11/12/2019, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng; Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, các hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

3.1. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh B1, chị H1 tổng số tiền 320.000.000đ (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) thông qua Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ Số 62A2019109/01 ngày 12/12/2019. Anh B1, chị H1 đã nhận đủ số tiền vay và thực hiện việc trả nợ (gốc+lãi) định kỳ theo thỏa thuận. Đến kỳ trả nợ (gốc+lãi) ngày 15/8/2020, anh B1, chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Phía nguyên đơn nhiều lần đôn đốc, Thông báo việc trả nợ, nhưng bị đơn không trả được nợ và không hợp tác nên ngân hàng khởi kiện vụ án đến Tòa án để thu hồi vốn theo nội dung thỏa thuận tại điểm f, Mục 7.1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ.

3.2. Về số tiền gốc, tiền lãi chưa thanh toán:

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả nợ (gốc+lãi) của 07 kỳ đầu *(từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/7/2020*). Đến kỳ trả nợ thứ 8 (*ngày trả nợ 15/8/2020*) bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, theo quy định tại Mục 6.3 Điều 6 Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết thì toàn bộ số nợ gốc còn lại chuyển thành nợ quá hạn. Vào các ngày 14/3/2022 và 16/5/2022 bị đơn lần lượt nộp trả Ngân hàng số tiền 45.000.000đ và 7.000.000đ được trừ vào nợ gốc. Tính đến ngày 09/6/2022, số nợ gốc bị đơn chưa thanh toán là 236.849.935đ; số nợ lãi trả theo kỳ chưa thanh toán là 50.067.029đ. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tổng số tiền, tính đến hết ngày 09/6/2022 là 286.916.964đ. Trong đó: Nợ gốc chưa thanh toán là 236.849.935đ, nợ lãi trả theo kỳ chưa thanh toán là 50.067.029đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

3.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng thửa đất số số 853, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Khu dân cư TX, phường TT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và ngôi nhà diện tích 79.0m^2 đã được UBND thị xã Kinh Môn cấp GCNQSD đất và quyền sở hữu nhà vào ngày 26/11/2019 cùng các tài sản trên đất là tài sản hợp pháp của anh B1, chị H1, không có tranh chấp. Vì vậy, trường hợp anh B1, chị H1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ.

[4]. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về

chi phí này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều 30, 35, 39, 147, 227, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 299, 317, 318, 320, 342, 351, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 07/10/2016; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP **B**.

Buộc anh Phạm Bá B1 và chị Trần Thị H1 phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP **B** số tiền, tính đến ngày 09/6/2022 là 286.916.964đ (*Hai trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm mười sáu nghìn, chín trăm sáu mươi bốn đồng*). Trong đó: Nợ gốc chưa thanh toán là 236.849.935đ (*Hai trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng*), nợ lãi trả theo kỳ chưa thanh toán là 50.067.029đ (*Năm mươi triệu, sáu mươi bảy nghìn, hai mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 10/6/2022, anh Phạm Bá B1 và chị Trần Thị H1 phải tiếp tục chịu tiền lãi của các kỳ trả lãi tiếp theo mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP **B**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Phạm Bá B1 và chị Trần Thị H1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP **B** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 853, tờ bản đồ số 06, diện tích 309.6m^2, địa chỉ: Khu dân cư TX, phường TT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và các tài sản gắn liền với đất đã được UBND thị xã Kinh Môn cấp GCNQSD đất và quyền sở hữu nhà vào ngày 26/11/2019 mang tên anh Phạm Bá B1 và chị Trần Thị H1 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Anh Phạm Bá B1 và chị Trần Thị H1 phải chịu (*đã làm tròn*) 14.346.000đ (*Mười bốn triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP **B** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.100.000đ (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2020/0001058 ngày 26/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đức Huấn